

KQ/250004694
 No.: NA250508-11NT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)



Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG**
 Địa chỉ/ Address : 166/12 Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Siêu thị Co.op Mart Bến Lức - 61 QL1A, TT. Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An**
 Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 19/05/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Mẫu chứa trong chai nhựa - Được khách hàng mang đến.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 14:2008/ BTNMT
					NT01	Cột A/ (Column A)
1	pH/ pH value ^(a)	-	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12	6,25	5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/ Total dissolved solids ^(a)	mg/L	QT-N-005	0 ÷ 100.000	157	500
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)/ Total suspended solids	mg/L	SMEWW 2540D:2017	5,0	6,1	50
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)/ Biochemical oxygen demand	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	5,5	30
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺)/ Ammonium	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	1,0	1,2	5
6	Sunfua (S ²⁻)/ Sulfide	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,03	KPH	1
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)/ Phosphate	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,01	0,60	6
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)/ Nitrate	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,02	0,88	30
9	Dầu, mỡ động thực vật/ Animal or vegetable fats & oils	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,30	0,90	10
10	Chất hoạt động bề mặt/ Surfactants	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	0,03	KPH	5
11	Coliforms	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2	KPH	3000



Địa chỉ: 166/12 Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 Số điện thoại: 028 4422 7079 Email: info@navitek.vn Website: www.navitek.vn

Ngày BH (Date issued): 03/03/2023

Lần BH (Times issued): 03

BM 7.8-08

Trang (Page): 1/2

KQ/250004694
No.: NA250508-11NT01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**



VILAS 1309

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after released the test results, except for microbiological criteria;
- QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt/ National technical regulation on domestic wastewater;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- (a) Chỉ tiêu được đo tại phòng thí nghiệm/ Characteristic are measured in the laboratory;
- NT01: Nước thải sau HTXLNT

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**

Nguyễn Tuấn Huy

**TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Hoàng Hoài

